

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT

Ngày 16/5/2024

“V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và đòi lại tài sản”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và đòi lại tài sản”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 2 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Cẩm T, sinh năm 2000, địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1993, địa chỉ: Khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: Khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Anh Nguyễn Tấn P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Cẩm T trình bày:

Qua mai mối và sau khi tìm hiểu một thời gian thì giữa chị với anh Nguyễn Tấn P tiến tới hôn nhân. Giữa hai người có tổ chức đám cưới và tự nguyện đi đăng

ký kết hôn với nhau. Đến ngày 10/11/2022 thì được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 4/2023 thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình khuyên bảo, hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Giữa hai người không có con chung.

Về tài sản chung: Khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chị được hai bên gia đình cho hơn 03 cây vàng gồm: Cha mẹ chồng cho 1,2 cây vàng 23K, 04 chỉ vàng 24K, 07 chiếc vòng vàng 18K trọng lượng 05 chỉ; cha mẹ ruột chị cho 01 cây vàng 24K. Đối với số vàng bên chồng cho thì mẹ chồng là bà Lê Thị H hỏi mượn lại gồm 1,2 cây vàng 23K, 04 chỉ vàng 24K, sau khi mượn mẹ chồng chị đi bán được số tiền là 82.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng chị có làm nắm rơm được số tiền 20.000.000 đồng và đã đưa cho mẹ chồng chị mượn luôn. Tổng số tiền mẹ chồng chị mượn của vợ chồng chị là 102.000.000 đồng. Đến ngày 11/12/2022 mẹ chồng có kêu chị tháo 07 chiếc vòng bằng vàng 18K trọng lượng 05 chỉ đang đeo trên tay để đưa mẹ chồng chị cất giữ. Đối với số vàng cha mẹ chị cho là 01 cây vàng thì vợ chồng chị bán chỉ tiêu trong thời gian chung sống do vợ chồng chị không có việc làm.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Xin ly hôn với anh Nguyễn Tấn P; về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi số tài sản còn lại là số tiền 102.000.000 đồng và 07 chiếc vòng vàng trọng lượng 05 chỉ vàng 18K. Đồng thời, yêu cầu buộc bà Lê Thị H trả lại cho vợ chồng chị số tiền 102.000.000 đồng và 07 chiếc vòng vàng trọng lượng 05 chỉ vàng 18K để chia.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn P đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Tấn P không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 của Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Cẩm T về việc yêu cầu bà trả lại số tiền 102.000.000 đồng và 07 chiếc vòng vàng trọng lượng 05 chỉ vàng 18K. Lý do, Trong số tiền 102.000.000 đồng thì có số tiền 82.000.000 đồng là tiền bà cùng với T đi bán vàng để có 2,5 công tằm cây đất của bà Nguyễn Thị Q. Thời hạn có 05 năm, do P đứng ra thỏa thuận có, với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, giấy tờ có đất hiện P đang giữ, hiện phần đất có vợ chồng bà làm giùm cho P. Đối với số tiền 20.000.000 đồng còn lại là tiền mà bà cùng chồng làm nắm rơm cho Tấn P, hiện P đã tiêu sài hết. Đối với 05 chỉ vàng 18K hiện bà đang giữ. T có giữ riêng 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn cưới, 01 chiếc nhẫn sinh nhật nhưng không biết trọng lượng bao nhiêu. Đối với việc chị T xin ly hôn, thì bà nghe P nói lại là tùy T quyết định.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 2 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Đỗ Cẩm T được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Tấn P.

2. Về tài sản chung:

Chia cho nguyên đơn chị Đỗ Cẩm T 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng) và số tiền 51.000.000 đồng. Tổng cộng là 63.065.000 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Chia cho bị đơn Nguyễn Tấn P 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng) và số tiền 51.000.000 đồng. Tổng cộng là 63.065.000 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trả lại vàng và tiền để chia tài sản chung.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trả lại cho nguyên đơn chị Đỗ Cẩm T 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng) và số tiền 51.000.000 đồng. Tổng cộng là 63.065.000 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trả lại cho bị đơn Nguyễn Tấn P 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng và số tiền 51.000.000 đồng. Tổng cộng là 63.065.000 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét...”

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/3/2024, anh Nguyễn Tấn P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn; về tài sản chung: Anh đồng ý chia đôi 05 chỉ vàng 18K, không đồng ý chia số tiền 102.000.000 đồng vì số tiền này anh đã tiêu xài hết chỉ còn lại 3.000.000 đồng, ngoài ra anh yêu cầu chia thêm tài sản chung mà chị T đang giữ bao gồm: 01 đôi

bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18K, 01 chiếc nhẫn mừng sinh nhật vàng 18K, 02 cây vàng 9999, 08 chỉ vàng 18K, 01 chiếc xe Honda Vision.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Đỗ Cẩm T vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Tấn P giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T xác nhận chỉ đưa cho bà H tiền bán vàng 82.000.000 đồng, số tiền còn lại 20.000.000 đồng thì để trong tủ, anh P hay bà H lấy số tiền này thì chị không biết. Phía anh P xác nhận anh có lấy số tiền này cho người khác vay, sau khi vợ chồng ly thân thì anh đã tiêu xài hết số tiền 20.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc xác định lại tài sản của vợ chồng chị T và anh P hiện nay bà H đang giữ là 82.000.000 đồng, anh P đang giữ là 20.000.000 đồng, để phân chia và buộc đối tượng giao trả đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Tấn P:

[1] Về quan hệ hôn nhân anh P không đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa anh P và chị T có phát sinh mâu thuẫn nhưng giữa 02 người không có biện pháp khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến hai người đã sống ly thân khoảng 01 năm. Nay phía anh P muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng phía chị T vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh P và chị T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, phía chị T đã không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không thể tiếp tục duy trì. Cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quyết định cho chị T ly hôn với anh P là có căn cứ, do vậy kháng cáo của anh P về nội dung này chưa có cơ sở để cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về phân chia tài sản chung của vợ chồng:

[2.1] Anh P không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng đối với số tiền 102.000.000 đồng. Anh P cho rằng số tiền 102.000.000 đồng trước đây vợ chồng cùng có đất, nhưng kể từ khi phát sinh mâu thuẫn anh đã trả lại đất lấy lại số tiền 93.000.000 đồng, trong thời gian buồn bực anh đã tiêu xài hết số tiền 90.000.000 đồng, nay chỉ đồng còn lại 3.000.000 đồng. Ngoài lời trình bày nêu trên, anh P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự việc này. Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình “*Tài sản chung*

của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để đảm bảo nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng”, việc anh P cho rằng sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh đã chỉ tiêu cá nhân, không phải vợ chồng sử dụng chung hoặc thực hiện nghĩa vụ chung, do vậy kháng cáo của anh P về nội dung này là chưa không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, chị T xác nhận chỉ đưa cho bà H tiền bán vàng 82.000.000 đồng, số tiền còn lại 20.000.000 đồng thì để trong tủ, anh P hay bà H lấy số tiền này thì chị không biết. Phía anh P xác nhận anh có lấy số tiền này cho người khác vay, sau khi vợ chồng ly thân thì anh đã tiêu xài hết số tiền 20.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải xác định lại tài sản chung của vợ chồng chị T và anh P hiện nay bà H đang giữ là 82.000.000 đồng, anh P đang giữ là 20.000.000 đồng, để phân chia và buộc đối tượng giao trả đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về việc anh P yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng mà hiện nay phía chị T đang quản lý bao gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18K, 01 chiếc nhẫn mừng sinh nhật vàng 18K, 02 cây vàng 9999, 08 chỉ vàng 18K, 01 chiếc xe Honda Vision. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đảm bảo cho anh P thực hiện các quyền về tố tụng của bị đơn, nhưng phía anh P đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án, cũng như không có yêu cầu phản tố về việc chia các tài sản chung anh trình bày nêu trên. Vì vậy, cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nay anh kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết là không thuộc phạm vi xét xử cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh. Trong trường hợp này, anh P được quyền khởi kiện thành vụ án khác về tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

[3] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn P, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn P không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn P như đã nêu trên.

2. Sửa bản án sơ thẩm 11/2024/DS-ST ngày 20/02/2024, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Đỗ Cẩm T được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Tấn P.

- Về tài sản chung:

Chia cho chị Đỗ Cẩm T 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng) và số tiền 51.000.000 đồng, tổng cộng là 63.065.000 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng). Tài sản này bà Lê Thị H và anh Nguyễn Tấn P quản lý nên: Buộc bà H có nghĩa vụ giao trả cho chị T 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng) và số tiền 41.000.000 đồng, tổng cộng là 53.065.000 đồng (năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng); buộc anh P có nghĩa vụ giao trả cho chị T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Chia cho anh Nguyễn Tấn P 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng) và số tiền 51.000.000 đồng, tổng cộng là 63.065.000 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng). Tài sản này bà Lê Thị H quản lý một phần nên buộc bà H có nghĩa vụ giao trả cho anh P 2,5 chỉ vàng 18K (tương đương số tiền 12.065.000 đồng) và số tiền 41.000.000 đồng, tổng cộng là 53.065.000 đồng (năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Cẩm T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, án phí chia tài sản chung là 3.153.250 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 2.900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011012 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, Chị T còn phải nộp thêm số tiền 553.250 đồng.

Anh Nguyễn Tấn P phải chịu án phí chia tài sản chung là 3.153.250 đồng, anh có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Bà Lê Thị H phải chịu án phí về thực hiện nghĩa vụ tài sản là 4.100.000 đồng, bà có nghĩa vụ nộp số tiền này.

4. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Tấn P phải chịu với số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002546 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND thị xã Ngã Năm;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận

